

Bản án số: 76/2018/HS-ST
Ngày: 30-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy - Cán bộ nghỉ hưu
2. Bà Phạm Thị Chuông - Giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Nh, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc H và bà Đào Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018, tạm giam từ ngày 03/4/2018, hiện tạm giam tại Trại tạm giam KC - Công an tỉnh Hải Dương, có mặt.

2. Triệu Quang S, sinh ngày 26/10/2001

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn T và bà Trần Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30/3/2018, tạm giam từ ngày 03/4/2018, hiện tạm giam tại Trại tạm giam KC - Công an tỉnh Hải Dương, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Triệu Quang S:* Ông Triệu Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Triệu Quang S:* Bà Lê Thị Thu V - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương, có mặt.

- *Đại diện Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện K:* Ông Lại Văn L - Giáo viên; có mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Trần Văn A, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu B, thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi tối ngày 27/3/2018 Phạm Văn Nh đang làm lễ tân tại khách sạn TM ở thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương thì có đối tượng theo Nh khai tên là Lê Văn Th, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương (tên gọi khác là Đ) đến gặp và đưa cho Nh một túi nilon bên trong chứa 12 viên nén hình trụ tròn màu nâu và 10 túi nilon nhỏ bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng dạng đá. Nh biết rõ các vật Th đưa cho Nh là ma túy. Th và Nh thỏa thuận khi nào có khách mua ma túy thì Th sẽ bảo khách đến gặp Nh và điện thoại báo cho Nh biết, Nh sẽ giao ma túy cho khách và hưởng hoa hồng từ việc bán trái phép chất ma túy.

Khoảng 13 giờ ngày 28/3/2018 Triệu Quang S đang ở nhà thì đối tượng S khai là Lê Văn Th dùng số thuê bao di động 01665665534 gọi đến máy điện thoại di động Iphone có số thuê bao 01655005007 của S thuê S đi gặp Nh để nhận 12 viên “keo” và 02 gói “ke” là ma túy tổng hợp mang giao cho khách ở xã H, huyện K và nhận tiền cho Th, Th sẽ trả tiền công cho S sau, S đồng ý. Th gửi số điện thoại di động 01666131113 của Nh cho S để S liên lạc với Nh, tiếp đó Th gọi điện thông báo cho Nh biết là S sẽ đến lấy ma túy. S điện thoại cho Nh nói là em của Th đến lấy hàng. Nh hiểu là S đến lấy ma túy nên hẹn S đến khách sạn TM để nhận.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, S thuê xe ôm của một người không xác định được lý lịch đi đến khách sạn TM để nhận ma túy. Khi đến sảnh của khách sạn, S gặp Nh liền nói: “Em là em của Đ, anh Đ bảo em đến gặp anh để lấy hàng”. Nh lấy điện thoại của Nh gọi điện vào số điện thoại của S để xác định S có đúng là người vừa gọi điện cho Nh theo giới thiệu của Th hay không. Khi điện thoại của S đổ chuông thì Nh lấy trong người ra đưa cho S 01 túi nilon bên trong đựng 12 viên nén hình trụ tròn màu nâu và 02 túi nilon nhỏ bên trong chứa chất tinh thể màu trắng dạng đá. S vừa cầm túi nilon từ tay Nh cho vào túi quần thì bị lực lượng thuộc Công an huyện K phối hợp với Công an thị trấn M phát hiện bắt quả tang. Lực lượng công an thu giữ các vật chứng sau: Thu giữ tại túi quần S đang mặc 01 túi nilon bên trong chứa 12 viên nén hình trụ màu nâu, 02 túi nilon nhỏ

bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng dạng đá (được niêm phong ký hiệu M1) và 01 điện thoại di động Iphone của S có lắp sim 01655005007. Thu giữ tại túi quần bên phải Nh đang mặc 01 túi nilon bên trong có 08 túi nilon nhỏ, trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng dạng đá (được niêm phong ký hiệu M2) và 01 điện thoại di động OPPO F3 có lắp sim 01666131113. Nh khai nhận toàn bộ số ma túy Nh đưa cho S và cất giữ trong túi quần đều là ma túy của Th đưa cho nhờ bán hộ.

Tại Kết luận giám định số 1738/C54(TT2) ngày 06/4/2018, Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát kết luận: Mẫu các viên nén màu nâu trong phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định đều là ma túy, loại: Methamphetamine, MDMA và Methylphenidate, tổng khối lượng mẫu là 4,170 gam. Mẫu chất tinh thể màu trắng dạng đá trong các phong bì niêm phong ký hiệu M1 và M2 gửi giám định đều là ma túy, loại Ketamine, khối lượng các mẫu lần lượt là 0,702 gam và 2,518 gam.

Tại Cáo trạng số 66/CT-VKSKM ngày 17/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố các bị cáo Phạm Văn Nh và Triệu Quang S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Văn Nh từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/3/2018. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Triệu Quang S từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/3/2018. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu cho hủy bỏ toàn bộ lượng ma túy do cơ quan giám định hoàn lại, tịch thu chiếc điện thoại di động Iphone kèm theo sim của bị cáo S, chiếc điện thoại di động OPPO F3 kèm theo sim của bị cáo Nh cho phát mại sung quỹ nhà nước. Về án phí: Buộc bị các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đại diện hợp pháp của bị cáo S trình bày: Gia đình luôn giáo dục bị cáo S có ý thức chấp hành pháp luật. Do tuổi còn trẻ, bồng bột, nghe theo bạn bè xã hội mà bị cáo phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo S xác định: Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo S là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc xử lý người chưa đủ 18 tuổi phạm tội để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện K nơi bị cáo S học tập xác định: Trong thời gian học tập tại trung tâm, bị cáo S luôn chấp hành tốt nội quy, quy chế của trung tâm, ý thức học tập tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện Kinh Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 28/3/2018, tại khách sạn TM thuộc thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương, thông qua đối tượng theo các bị cáo khai tên là Lê Văn Th, bị cáo Phạm Văn Nh có hành vi giao cho bị cáo Triệu Quang S 12 viên nén màu nâu là ma túy loại Methamphetamine, MDMA, Methylphenidate có tổng trọng lượng 4,170 gam, 02 gói ma túy loại Ketamine có trọng lượng 0,702 gam mục đích để S bán cho đối tượng khác. Ngoài ra Phạm Văn Nh còn cất giữ trái phép 08 gói ma túy loại Ketamine có trọng lượng 2,518 gam nhằm mục đích để bán thì bị lực lượng Công an huyện Kinh Môn phát hiện bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi bán trái phép chất ma túy bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ. Trong vụ án này, hành vi của các bị cáo là độc lập với nhau thông qua đối tượng thứ ba điều chỉnh. Vì vậy, bị cáo Nh phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số lượng ma túy thu giữ trong vụ án, bị cáo S phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số lượng ma túy đã nhận từ bị cáo Nh.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình tố tụng, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi bị bắt quả tang đưa về trụ sở Công an huyện Kinh Môn, bị cáo S bỏ trốn nhưng sau đó ra đầu thú, bị cáo Nh có bố đẻ là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học nên các bị cáo được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự nhân thân tốt. Bị cáo S là đối tượng phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, còn đang học tập tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện K.

[5] Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo S ở độ tuổi 16 năm 05 tháng 02 ngày, vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nhân cách, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91 và quy định về mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người dưới 18 tuổi tại khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm trở về hòa nhập với xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện, điều kiện kinh tế và nhân thân của bị cáo S, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Toàn bộ lượng ma túy do cơ quan giám định hoàn lại là vật cấm lưu hành cần tịch thu cho hủy bỏ; chiếc điện thoại di động Iphone kèm theo sim của bị cáo S và chiếc điện thoại di động OPPO F3 kèm theo sim của bị cáo Nh là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu cho phát mai sung quỹ nhà nước, theo điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Trong vụ án này, bị cáo Nh và bị cáo S khai được đối tượng Lê Văn Th, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương nhờ cầm và bán ma túy giúp thông qua số điện thoại di động 01665665534. Hiện đối tượng Th đang vắng mặt tại địa phương. Theo cung cấp của Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội Viettel, chủ thuê bao của số điện thoại di động trên mang tên Phan Công Đ, sinh năm 1999, nơi ĐKKHKT: Xã ĐN, huyện H, tỉnh Thái Bình, số CMND: 150544168. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại xã ĐN, huyện H, tỉnh Thái Bình xác định không có đối tượng nào có nhân thân lý lịch như trên. Xác minh tại đội Tàng thư căn cước công dân - Phòng PC64 - Công an tỉnh Thái Bình xác định số CMND: 150544168 mang tên bà Lương Thị N, sinh năm 1957, nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Bà N xác định chưa bao giờ đăng ký hoặc sử dụng số điện thoại di động 01665665534. Cơ quan điều tra, truy tố xác định chưa đủ căn cứ chứng minh Lê Văn Th là đồng phạm trong vụ án và tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Phạm Văn Nh và Triệu Quang S.

Căn cứ thêm Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Triệu Quang S.

Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Nh và Triệu Quang S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Nh 06 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/3/2018.

Xử phạt bị cáo Triệu Quang S 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/3/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về vật chứng:

Tịch thu cho hủy bỏ toàn bộ lượng ma túy do cơ quan giám định hoàn lại đựng trong phong bì ghi số 1738/C54(TT2) có niêm phong của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát. Tịch thu của bị cáo Triệu Quang S chiếc điện thoại di động Iphone kèm theo sim, tịch thu của bị cáo Phạm Văn Nh chiếc điện thoại di động OPPO F3 kèm theo sim cho phát mại sung quỹ nhà nước (toàn bộ vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn quản lý).

Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn Nh và Triệu Quang S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện của bị cáo S, người bào chữa của bị cáo S có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người đại diện của bị cáo S;
- Người bào chữa của bị cáo S;
- Lưu hồ sơ.

Trần Hữu Hiệu